

BÀI 7: CÁC DỊCH VỤ CỦA GOOGLE

Tối ưu hoá không gian làm việc số: Từ Thư điện tử (Gmail) đến Hệ sinh thái lưu trữ & kết nối.





Tài khoản Google (Google Account) - Hộ chiếu số của bạn

Nền tảng kết nối bảo mật



7.1 Thư điện tử (Gmail)

Giao tiếp đa chiều



Cuộc họp sắp diễn ra



7.2 Google Meet

Hội họp trực tuyến



7.2 Google Drive

Lưu trữ trực tuyến

● Dung lượng khả dụng

Một tài khoản duy nhất mở khóa toàn bộ công cụ cần thiết cho học tập và làm việc.

Thư truyền thống



- Phụ thuộc khoảng cách địa lý
- Mất nhiều thời gian
- Giới hạn khung giờ hành chính

Thư điện tử (Webmail)



- ✓ Giao tiếp toàn cầu tức thời (Instant)
- ✓ Hoạt động 24/7
- ✓ Định danh duy nhất trên Internet

Webmail cho phép truy cập dịch vụ Email trực tiếp thông qua trình duyệt Web (như Chrome, Edge) ở bất kỳ đâu có Internet.

<Tên tài khoản> (Tên định danh)

Phần tên do người dùng tự đăng ký để phân biệt với các cá nhân khác.

@ (At symbol)

Ký tự bắt buộc kết nối người dùng và máy chủ.

<Tên miền> (Domain/Server)

Tên của máy chủ cung cấp dịch vụ Email (VD: gmail.com, yahoo.com).

<Tên tài khoản> @ <Tên miền>

Ví dụ thực tế:

ttcntt@yahoo.com

admin@daytinhoc.net

Hành trình Khởi tạo Tài khoản

1



The screenshot shows the Google login page. At the top, it says "Google" and "Đăng nhập" (Log in). Below that, it says "Tiếp tục tới Gmail" (Continue to Gmail). There is a text input field for "Email hoặc số điện thoại" (Email or phone number). Below the input field, there is a link "Bạn quên địa chỉ email?" (Forgot your email address?). At the bottom, there is a blue button "Tiếp theo" (Next) and a red-bordered button "Tạo tài khoản" (Create account). A red arrow points to the "Tạo tài khoản" button.

Truy cập **webmail** (gmail.com) và chọn **Tạo tài khoản**.

2



The screenshot shows the Google account creation page. At the top, it says "Google" and "Tạo Tài khoản Google" (Create Google Account). Below that, it says "Tiếp tục tới Gmail" (Continue to Gmail). There are two input fields for "Họ" (Last name) and "Tên" (First name). Below that, there is a text input field for "Tên người dùng" (Username) with "@gmail.com" to its right. Below the username field, it says "Bạn có thể sử dụng chữ cái, số và dấu chấm" (You can use letters, numbers, and dots). There are two input fields for "Mật khẩu" (Password) and "Xác nhận" (Confirm). Below the password fields, it says "Số dạng 8 ký tự trở lên và kết hợp chữ cái, chữ số và biểu tượng" (At least 8 characters and a combination of letters, numbers, and symbols). At the bottom, there is a checkbox "Hiển thị mật khẩu" (Show password).

Điền thông tin cá nhân và thiết lập **mật khẩu bảo mật** (từ 8 ký tự).

3



Google yêu cầu **xác minh bảo mật nhiều lớp** (Tiếp tục ở slide sau).

Chốt chặn Bảo mật: Xác minh Số điện thoại

Google

Xác minh số đ.thoại

Để đảm bảo rằng số điện thoại này là của bạn, Google sẽ gửi cho bạn một tin nhắn văn bản cùng mã xác minh gồm 6 chữ số. Có áp dụng cước phí chuẩn



G-

Nhập mã xác minh

[Trở lại](#)

Xác minh

Tại sao bắt buộc?

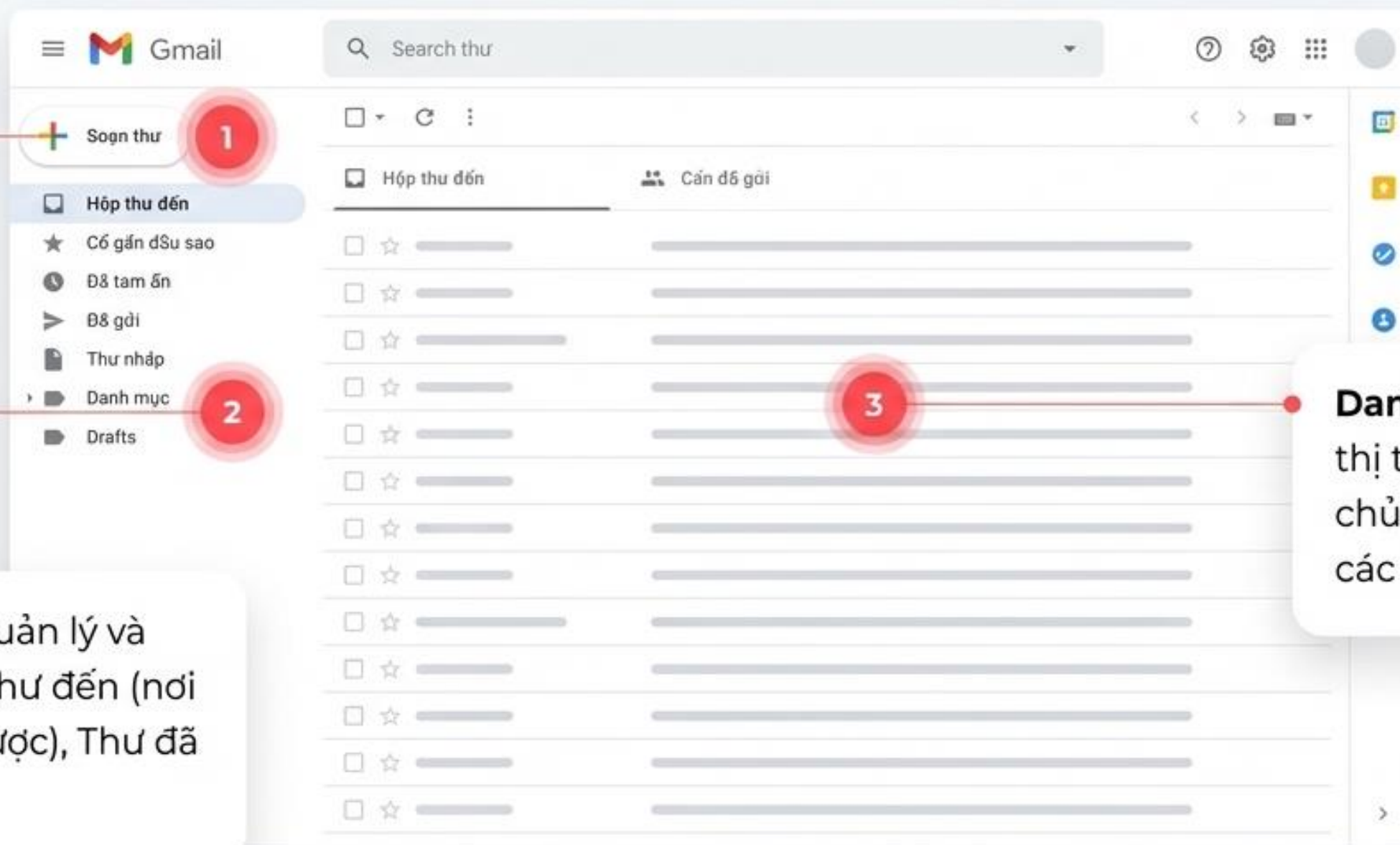
Gmail yêu cầu kết nối với số điện thoại di động thực tế để:

1. Xác nhận người dùng là con người  (chống Spam).
2. "Gửi mã xác nhận bảo vệ người dùng khỏi việc bị đánh cắp tài khoản. 
3. "Cấp quyền khôi phục mật khẩu khi thất lạc. 

Bản đồ Giao diện Hộp thư đến (Inbox Anatomy)

Nút Soạn thư
- Khởi tạo một bức thư mới.

Vùng Menu - Nơi quản lý và phân loại các Hộp thư đến (nơi chứa email nhận được), Thư đã gửi, Thư nháp.



Danh sách Thư - Hiển thị trạng thái, người gửi, chủ đề và thời gian của các email.

Người nhận (Recipients):

Nơi nhập địa chỉ email đích (Có thể nhập nhiều người, cách nhau bằng dấu ;).

Chủ đề (Subject):

Tiêu đề tóm tắt nội dung cốt lõi của Email.






Nội dung (Body):

Không gian soạn thảo văn bản chính.

Thanh Công cụ (Toolbar):

Nơi chứa nút Gửi (Send), Đính kèm file (Attach), và Định dạng chữ.

Bảng so sánh trường dữ liệu email (Email Field Comparison Matrix)

Trường dữ liệu (Field)	Chức năng chính (Primary Function)	Tính bảo mật (Privacy/Visibility)
Đến (To)	Người nhận chính của email.	 Mọi người trong luồng thư đều nhìn thấy địa chỉ này.
CC (Carbon Copy)	Người đồng nhận (để biết thông tin, không bắt buộc xử lý).	 Công khai. Mọi người đều thấy người được CC.
BCC (Blind Carbon Copy)	Người đồng nhận ẩn danh.	 Tuyệt mật. Danh sách BCC bị ẩn hoàn toàn với nhóm Đến và CC.

Biểu tượng Đính kèm

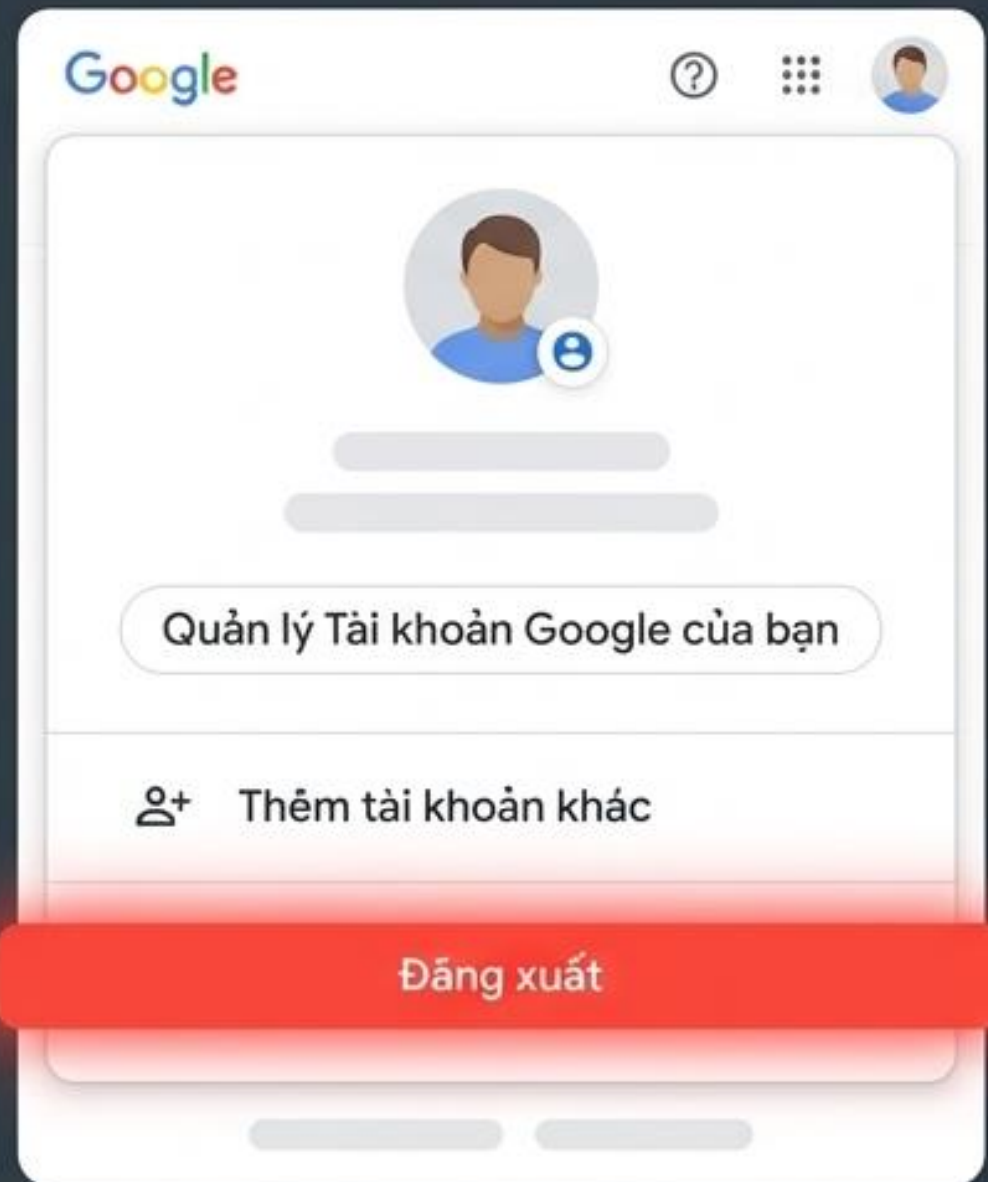


**Dữ liệu máy tính
(Word, Excel, Hình ảnh)**



Sử dụng chức năng Đính kèm (Paperclip) để đính kèm các tập tin từ ổ cứng cục bộ vào thư điện tử để gửi đi. Khả năng truyền tải nhanh chóng các tập tin lớn.

⚠️ Nguyên tắc An toàn Tối thượng: Đăng Xuất (Sign Out)



Nguyên tắc chính:

Sau khi sử dụng Email xong, bắt buộc phải bấm nút Sign Out (Đăng xuất).

☠️ Hậu quả nếu quên:

Việc chỉ đóng trình duyệt (dấu X) KHÔNG ngắt kết nối tài khoản. Trên máy tính dùng chung (trường học, quán net), kẻ gian có thể mở lại trình duyệt, đánh cắp tài khoản, đọc trộm thư và xâm phạm quyền riêng tư.

Vượt ra ngoài ranh giới Email (Beyond Email)

Bạn đã làm chủ công cụ Giao tiếp (7.1). Giờ là lúc sử dụng **Hệ chiếu số** để mở khóa Không gian Lưu trữ & Hội họp trực tuyến (7.2).



ĐÔNG, ƯƠ Y ĐỂ GIÁU KIY GÍ TẬP KHÂU

Lưu trữ cục bộ



Lưu trữ cục bộ

Lưu trữ cục bộ: Dữ liệu kẹt tại một thiết bị duy nhất. Rủi ro mất mát khi hỏng máy.

Google Drive - Ổ cứng đám mây



Google Drive - Ổ cứng đám mây

Đồng bộ hóa tập tin mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị chỉ với một lần đăng nhập.

Google Meet: Kết nối Trực tuyến Thời gian thực



Gmail: Giao tiếp phi đồng bộ (**Asynchronous**) - Gửi thông tin văn bản, tài liệu và chờ phản hồi.

Meet: Giao tiếp đồng bộ (**Synchronous**) - Họp trực tuyến, học từ xa, truyền tải hình ảnh và âm thanh trực tiếp.

Tổng kết: Làm chủ Bộ công cụ Toàn diện



Thiết lập và bảo mật Hộ chiếu số Google thành công.



Vận hành Gmail chuyên nghiệp (Gửi, Đính kèm, phân biệt rõ CC/BCC).



Ứng dụng Google Drive để quản lý và bảo vệ dữ liệu đám mây.



Sẵn sàng hội họp và học tập trực tuyến thông qua Google Meet.

Không gian làm việc số không chỉ là phần mềm, đó là tư duy kết nối và quản lý thông tin hiện đại.